

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 10 năm 2018

BẢN TIN TUẦN
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC
PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
TRÊN LƯU VỰC SÔNG BÉ (VÙNG ĐÔNG NAM BỘ) NĂM 2018
(Tuần từ ngày 12 tháng 10 năm 2018 đến ngày 18 tháng 10 năm 2018)

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1. Lượng mưa

Theo số liệu từ Đài KTTV Nam Bộ, kết quả lượng mưa quan trắc được tại các trạm trong tuần qua như sau:

Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo tình hình mưa tuần tới
			TBNN	Năm 2017	Năm 2016	
Đồng Phú	4,4	2.017,5	- 5,1	- 8,3	+ 20,5	58,4
Phước Hòa	1,4	1.219,8	- 24,3	- 35,1	- 21,6	50,5
Phước Long	108,2	2.312,4	- 2,5	- 15,6	+ 27,3	74,0
Trung bình	38,0	1.849,9	- 10,6	- 19,7	+ 8,7	60,9

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

Nhận xét:

Lượng mưa lũy tích các trạm đo chính trên khu vực thấp hơn TBNN 10,6%, thấp hơn năm 2017 là 19,7% và cao hơn so với năm 2016 là 8,7%. Lượng mưa trong tuần lớn nhất tại trạm Phước Long (108,2 mm) và lượng mưa trong tuần nhỏ nhất tại trạm Phước Hòa (1,4 mm). Lượng mưa trung bình dự báo trong giai đoạn tiếp theo là khoảng 60,9 mm, có xu hướng thấp hơn trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Nhiệt độ trung bình dự báo phổ biến ở mức xấp xỉ TBNN cùng thời kỳ.

2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	Dung tích trữ hiện tại (triệu m ³)	W trữ hiện tại so với W _{tk} (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo xu thế nguồn nước	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2017	2016		
Hồ Suối Giai	21,3	21,30	100,00	+ 15,7	0	+ 28,1	Giảm	98,50
Hồ NT6	2,75	2,75	100,00	+ 3,2	0	+ 6,8	Giảm	100,00
Hồ NT9	1,97	1,97	100,00	+ 5,2	0	+ 6,9	Giảm	100,00
Hồ NT8	1,3	1,30	100,00	- 0,1	0	+ 1,3	Giảm	100,00
Hồ NT2 - Đ7	1,74	1,74	100,00	+ 5,7	0	+ 10,3	Giảm	100,00
Hồ Lộc Quang	5,826	5,83	100,00	+ 14,2	0	+ 19,5	Giảm	96,75
Hồ Tân Lợi	2,87	2,87	100,00	+ 5,9	0	+ 20,7	Giảm	100,00

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	Dung tích trữ hiện tại (triệu m ³)	W trữ hiện tại so với W _{tk} (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo xu thế nguồn nước	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2017	2016		
Hồ Suối Ông	0,386	0,39	100,00	- 1,1	0	+ 0,5	Giảm	100,00
Hồ Bà Um	1,58	1,58	100,00	+ 3,4	0	+ 11,4	Giảm	90,95
Hồ NT 4	2,615	2,62	100,00	+ 6,1	0	+ 16,9	Giảm	100,00
Đập Thọ Sơn	0,963	0,96	100,00	+ 2,1	0	+ 7,7	Giảm	100,00
Hồ Đồng Xoài	9,66	9,62	99,61	+ 12,3	- 0,4	+ 12,9	Giảm	94,89
Hồ Bù Môn	0,2	0,05	25,00	- 77,3	- 76,5	- 77,0	Giảm	96,74
Hồ Sa Cát	1,327	1,33	100,00	+ 1,4	0	+ 0,9	Giảm	100,00
Hồ An Khương	2,6	2,60	100,00	+ 23,3	0	+ 33,5	Giảm	85,87
Hồ Ông Thoại	1,765	1,77	100,00	+ 5,2	0	+ 11,3	Giảm	100,00
Hồ Cần Đơn	165,49	143,98	87,00	- 2,9	- 10,7	+ 1,6	Giảm	90,21
Trung bình/Tổng	224,342^(*)	202,64	90,33	+ 1,3	- 5,2	+ 6,7		92,10

Ghi chú: “+”, “-” Dung tích trữ tăng, giảm so với cùng kỳ; (*): Giá trị tổng.

Nhận xét:

Tổng dung tích trữ thiết kế của các công trình trên khu vực là 224,342 triệu m³. Nguồn nước trong các hồ chứa tính đến thời điểm ngày 11/10/2018 trữ được khá cao, tổng dung tích trữ hiện tại là 202,64 triệu m³ (đạt 90,33 % DTTK). Tổng dung tích trữ các hồ chứa thấp hơn so với cùng kỳ năm 2017, cao hơn cùng kỳ so với năm 2016 và TBNN.

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC

1. Khả năng cấp nước

a. Kế hoạch sử dụng nước

Theo kết quả tính toán, tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất tháng 10 của vụ Mùa năm 2018 của 17 hồ chứa lớn và vừa trên lưu vực sông Bé (vùng Đông Nam Bộ) là **1,10** triệu m³.

TT	Tên hồ chứa	Vụ Mùa 2018				
		Diện tích sản xuất vụ Mùa (ha)				Nhu cầu nước tưới tháng 10 cho vụ Mùa (10 ⁶ m ³)
		Lúa	Rau màu	Cây CNDN	Thủy sản	
Tổng cộng		770	12	1.186,0	27	1,10
1	Hồ Suối Giai		12	102	6	0,04
2	Hồ NT6			11		0,01
3	Hồ NT9			29		0,01
4	Hồ NT8			25		0,01
5	Hồ NT2 - Đ7			51		0,03
6	Hồ Lộc Quang	275		260	8	0,57
7	Hồ Tân Lợi			70		0,03
8	Hồ Suối Ông	11			1	0,01
9	Hồ Bà Úm	4			2	0,00
10	Hồ NT 4			130		0,08
11	Đập Thọ Sơn			63		0,02

TT	Tên hồ chứa	Vụ Mùa 2018				
		Diện tích sản xuất vụ Mùa (ha)				Nhu cầu nước tưới tháng 10 cho vụ Mùa (10^6 m^3)
		Lúa	Rau màu	Cây CNDN	Thủy sản	
12	Hồ Đồng Xoài			44	8	0,02
13	Hồ Bù Môn					0,00
14	Hồ Sa Cát			80		0,03
15	Hồ An Khương	180		33	2	0,20
16	Hồ Ông Thoại			38		0,01
17	Hồ Cần Đơn	300		250		0,60

b. Dự báo nguồn nước đến hồ chứa

TT	Tên hồ chứa	Dự báo khả năng dòng chảy tới các hồ chứa tháng 10 năm 2018 (10^6 m^3)
1	Hồ Suối Giai	4,92
2	Hồ NT6	1,56
3	Hồ NT9	0,84
4	Hồ NT8	0,57
5	Hồ NT2 - Đ7	0,60
6	Hồ Lộc Quang	2,68
7	Hồ Tân Lợi	2,72
8	Hồ Suối Ông	0,22
9	Hồ Bà Úm	0,55
10	Hồ NT 4	0,50
11	Đập Thọ Sơn	0,06
12	Hồ Đồng Xoài	3,54
13	Hồ Bù Môn	15,37
14	Hồ Sa Cát	0,81
15	Hồ An Khương	0,86
16	Hồ Ông Thoại	0,07
17	Hồ Cần Đơn	585,26

c. Kết quả tính toán cân bằng nước và các khuyến cáo cho từng công trình

Dựa vào xu thế mưa một số năm gần đây; kết quả dự báo của Đài KTTV khu vực Nam Bộ; kế hoạch sử dụng nước; và kết quả tính toán cân bằng nước tháng 10 cho vụ Mùa, kết quả dự báo tuần từ ngày 12/10/2018 đến ngày 18/10/2018 như sau:

- **16/17 hồ chứa có khả năng đảm bảo cấp nước 100%:** Hồ Suối Giai, hồ NT6, hồ NT9, hồ NT8, hồ NT2-Đ7, hồ Lộc Quang, hồ Tân Lợi, hồ Suối Ông, hồ Bà Úm, hồ NT4, đập Thọ Sơn, hồ Đồng Xoài, hồ Sa Cát, hồ An Khương, hồ Ông Thoại, hồ Cần Đơn.

- **01/17 hồ chứa đang sửa chữa:** Hồ Bù Môn đang xả nước để nạo vét.

Tên công trình	Dung tích hiện tại so với DTTK (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Mùa 2018 từ ngày 12/10/2018 đến 18/10/2018			Ghi chú
			Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
Hồ Suối Giai	100,00	120	100,00	100	120	
Hồ NT6	100,00	11	100,00	100	11	
Hồ NT9	100,00	29	100,00	100	29	
Hồ NT8	100,00	25	100,00	100	25	
Hồ NT2 - Đ7	100,00	51	100,00	100	51	
Hồ Lộc Quang	100,00	543	100,00	100	543	
Hồ Tân Lợi	100,00	70	100,00	100	70	
Hồ Suối Ông	100,00	12	100,00	100	12	
Hồ Bà Úm	100,00	6	100,00	100	6	
Hồ NT 4	100,00	130	100,00	100	130	
Đập Thọ Sơn	100,00	63	100,00	100	63	
Hồ Đồng Xoài	99,61	52	99,61	100	52	
Hồ Bù Môn	25,00	0	25,00	100	0	
Hồ Sa Cát	100,00	80	100,00	100	80	
Hồ An Khương	100,00	215	100,00	100	215	
Hồ Ông Thoại	100,00	38	100,00	100	38	
Hồ Càn Đơn	87,00	550	84,23	100	550	
Trung bình/Tổng	90,33	1.995,0^(*)	88,28	100	1.995,0^(*)	

Ghi chú: ^(*) Giá trị tổng.

2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
Phước Long	Đăk Nhai – Bù Đẳng	2.386,4	94,9	+ 4,2	- 26,6	Rủi ro hạn thấp
	Đăk Ô – Bù Gia Mập					
	Sơn Giang – Phước Long					
	Long Hà – Phú Riêng					
Đồng Phú	Đăkia – Bù Đốp	2.075,9	+ 53,4	- 6,0	- 25,7	Rủi ro hạn thấp
	Đồng Tâm – Đồng Phú					
Trung bình		2.231,1	+ 74,2	- 0,9	- 26,2	Rủi ro hạn thấp

Nhận xét và khuyến cáo:

Lượng mưa trung bình của các khu vực nằm ngoài công trình thủy lợi thấp hơn lượng mưa TBNN 0,9%, cao hơn 74,2% so với năm có lượng mưa nhỏ nhất. Như vậy, khả năng rủi ro hạn hán thiếu nước đối với các vùng sản xuất thấp.

3. Tổng hợp thông tin hạn hán

Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/giảm)
1.995	770	1.225					

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 18/10/2018 cho thấy tổng dung tích trữ trong các hồ chứa đạt 198,05 triệu m³ (chiếm 88,28 % so với dung tích trữ thiết kế). Nguồn nước tại 16/17 hồ chứa trên lưu vực sông Bé (vùng Đông Nam Bộ) có khả năng đáp ứng đủ 100% cho sản xuất nông nghiệp và cấp nước theo nhiệm vụ thiết kế. Vì vậy, kế hoạch sử dụng nước tại các hồ thủy lợi này đến ngày 18/10/2018 không thay đổi. Riêng hồ Bù Môn (tỉnh Bình Phước) đang xả nước để nạo vét, hồ không tham gia cấp nước vụ Mùa, công ty TNHH MTV Dịch vụ thủy lợi Bình Phước đã thông báo đến người dân nhằm chủ động thay đổi kế hoạch sản xuất phù hợp.

Trên cơ sở bản tin dự báo nguồn nước của 17 hồ chứa trên lưu vực dòng chính sông Bé (vùng Đông Nam Bộ), các địa phương cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo hàng tuần tiếp theo và phản hồi những diễn biến bất thường về thời tiết, kế hoạch sản xuất, quản lý vận hành công trình hồ chứa tới Tổng cục Thủy lợi và Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam để kịp thời cập nhật tin dự báo.

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 19/10/2018 (tuần sau)./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục Thủy lợi (để b/c);
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc TCTL (để b/c);
- Cục Trồng trọt (Phòng CLT);
- Website TCTL, website Viện QHTLMN (để đăng tin);
- Lưu VT.

VIỆN TRƯỞNG